

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/DS-ST.

Ngày: 06-8-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng đặt
cọc”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Hậu.

Bà Huỳnh Thị Minh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 1 - Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 -
Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2025/TLST-DS ngày 05
tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Tường D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 5 đường A, tổ A, khu phố S, phường S, TP., tỉnh Đồng Nai (nay là
phường B, tỉnh Đồng Nai).

SĐT: 0374569338.

- Bị đơn: Công ty TNHH Ô.

Địa chỉ: 2, khu phố A, phường B, TP., tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh
Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huỳnh Kim T – Chức vụ: Phó
Giám đốc kinh doanh (Văn bản ủy quyền ngày 11/6/2025).

(Ông D có mặt; ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Dương Tường D trình bày:

Ngày 23/10/2024, ông ký Hợp đồng mua bán (về việc mua bán xe ô tô) số
202410958/HĐMBH/HNP – Số DMS với Công ty Ô (sau đây viết tắt là Công ty
Ô) để mua 01 xe ô tô 5 chỗ ngồi hiệu Hyundai Grand i10 2024 1.2AT, xe mới
100%, hộp số tự động, động cơ 1.2, màu sơn trắng vin 2024, trang bị theo xe theo
tiêu chuẩn nhà sản xuất với giá 431.000.000đồng. Theo hợp đồng, ông sẽ thanh
toán cho Công ty Ô hai đợt. Đợt 1 ông đặt cọc cho Công ty Ô 5% giá trị xe tương

đương số tiền 21.550.000đồng sau ký hợp đồng. Đợt 2 ông thanh toán hết số tiền còn lại cho Công ty Ô khi có thông báo chấp thuận cho vay của Ngân hàng và có thông báo bàn giao xe từ Công ty Ô trong vòng 03 ngày làm việc. Đợt 3 Công ty Ô tiến hành thủ tục giao xe cho ông trong vòng 02 ngày sau khi nhận đủ số tiền Ngân hàng giải ngân. Trường hợp Ngân hàng từ chối cho vay thì ông chuyển sang thanh toán bằng tiền mặt để lấy xe hoặc hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng dựa trên giấy từ chối cho vay do Ngân hàng cung cấp.

Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng, ông đã thanh toán cho Công ty Ô số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng vào ngày 23/10/2024 bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên sau khi làm việc với Ngân hàng, ông không đồng ý ký hợp đồng vay vốn vì mức lãi suất Ngân hàng đưa ra cao hơn nhiều so với mức lãi suất mà nhân viên bán hàng của Công ty Ô tư vấn cho ông khi liên hệ mua xe. Ông đề nghị Ngân hàng ra thông báo từ chối cho vay để hủy hợp đồng mua bán xe đã ký theo thỏa thuận tại mục 2.2 Điều II của hợp đồng nhưng Ngân hàng yêu cầu ông phải có sự đồng ý của nhân viên bán hàng của Công ty Ô thì Ngân hàng mới phát hành thông báo từ chối cho vay.

Do Công ty Ô tư vấn cho ông không đúng sự thật nên ông không thể vay được tiền, Ngân hàng cũng không phát hành thông báo từ chối cho vay nên ông khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng mua bán số 202410958/HĐMB/HNP-số DMS ngày 23/10/2024 giữa ông với Công ty TNHH Ô và yêu cầu Công ty Ô trả lại ông số tiền đặt cọc 20.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Công ty Ô đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông nhưng ông đã tốn nhiều công sức đi lại, làm việc nên ông không đồng ý hòa giải thành với Công ty và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Vào lúc 15 giờ 05 phút ngày 24/6/2025, ông có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Ô phải trả lãi đối với số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng từ ngày 29/11/2024 đến ngày 24/6/2025 với mức lãi suất 20%/năm, số tiền lãi cụ thể là 2.278.720 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện và theo đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 24/6/2025.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh Kim T trình bày:

Ngày 23/10/2024, Công ty TNHH Ô có ký hợp đồng mua bán xe ô tô số 202410958/HĐMBH/HNP – Số DMS với ông Dương Tường D và đã nhận số tiền 20.000.000 đồng do ông D chuyển khoản để đặt cọc mua xe. Tuy nhiên sau đó, mặc dù Công ty Ô đã thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng mua bán mua bán đã ký nhưng không biết vì nguyên nhân gì mà ông D thay đổi ý định, không tiếp tục thực hiện hợp đồng, yêu cầu hủy hợp đồng và yêu cầu nhận lại tiền cọc.

Công ty Ô xác định phía Công ty làm đúng hợp đồng đã ký nhưng để thể hiện thiện chí hòa giải, tránh tranh chấp kéo dài và không muốn phát sinh thêm mâu thuẫn giữa hai bên nên Công ty đồng ý hủy hợp đồng mua bán xe ô tô số 202410958/HĐMBH/HNP – Số DMS ngày 23/10/2024 và đồng ý trả lại số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do Công ty có thiện chí hòa giải nhưng ông D kiên quyết không đồng ý lập biên bản hòa giải thành, yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử nên ông T đề nghị Tòa án không hòa giải thêm, sớm đưa vụ án ra xét xử và ghi nhận sự thiện chí của phía Công ty và cho ông được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và khi xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Vụ án thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Ông Dương Tường D khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng mua bán số 202410958/HĐMB/HNP-số DMS ngày 23/10/2024 giữa ông với Công ty TNHH Ô và yêu cầu Công ty Ô trả lại ông số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Dương Tường D là nguyên đơn, Công ty TNHH Ô là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH Ô có địa chỉ trụ sở tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai).

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Huỳnh Kim T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Huỳnh Kim T.

[4] Về nội dung:

[4.1] Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều xác nhận vào ngày 23/10/2024, ông Dương Tường D và Công ty TNHH Ô đã ký hợp đồng mua bán số 202410958/HĐMB/HNP-số DMS ngày 23/10/2024, ông D đã thanh toán cho Công ty Ô số tiền cọc là 20.000.000 đồng nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4.2] Nội dung hợp đồng mua bán bao gồm nội dung đặt cọc, các đương sự đều thừa nhận hợp đồng đang thực hiện ở giai đoạn đặt cọc. Hợp đồng thể hiện ý chí tự nguyện của các bên, được lập thành văn bản, việc ký hợp đồng đặt cọc trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng ý chí của các bên, không bị ép buộc, lừa dối. Mục đích và nội dung của thỏa thuận đặt cọc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Căn cứ vào Điều 117 và Điều 328 của Bộ luật dân sự thì Hợp đồng mua bán số 202410958/HĐMB/HNP-số DMS ngày 23/10/2024 phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[4.3] Tại bản tự khai đề ngày 11/6/2025, bị đơn do ông T đại diện trình bày để thể hiện thiện chí hòa giải, tránh tranh chấp kéo dài và không muốn phát sinh thêm mâu thuẫn giữa hai bên nên Công ty đồng ý hủy hợp đồng mua bán xe ô tô số 202410958/HĐMBH/HNP – Số DMS ngày 23/10/2024 và đồng ý trả lại số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Tuy nhiên khi Tòa án tiến hành làm việc vào ngày 27/5/2025, hòa giải vào ngày 24/6/2025, nguyên đơn ông D không đồng ý hòa giải với Công ty vì ông D đã tốn nhiều công sức đi lại, làm việc. Ông D đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[4.4] Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng và trả lại tiền đặt cọc, bị đơn cũng đồng ý. Xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.5] Đối với Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ông D nộp vào lúc 15 giờ 05 phút ngày 24/6/2025, ông D yêu cầu Công ty Ô phải trả lãi đối với số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng từ ngày 29/11/2024 đến ngày 24/6/2025 với mức lãi suất 20%/năm, số tiền lãi cụ thể là 2.278.720 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 7 Mục IV Văn bản 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ quy định:

“- Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.”

[4.6] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (bắt đầu lúc 14 giờ 15 phút ngày 24/6/2025 và kết thúc lúc 14 giờ 40 phút cùng ngày), ông D trình bày: *“Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng mua bán số 202410958/HĐMBH/HNP-số DMS ngày 23/10/2024 giữa tôi với Công ty TNHH Ô và yêu cầu Công ty Ô trả lại tôi số tiền 20.000.000 đồng.”*

[4.7] Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc nguyên đơn ông Dương Tường D yêu cầu khởi kiện bổ sung nội dung theo Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện nói trên do yêu cầu được đưa ra sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tường D được chấp nhận nên Công ty TNHH Ô phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán (về việc mua bán xe ô tô) số 202410958/HĐMBH/HNP – Số DMS ngày 23/10/2024 và số tiền 1.000.000 đồng đối với yêu cầu trả lại số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng, Công ty Ô phải chịu án phí tổng cộng là 1.300.000 đồng. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Vụ án thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 68, 147; 203, 220, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, 117, 328, 423, 427 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Tường D đối với bị đơn Công ty TNHH Ô về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Hủy Hợp đồng mua bán (về việc mua bán xe ô tô) số 202410958/HĐMBH/HNP – Số DMS ngày 23/10/2024 giữa ông Dương Tường D với Công ty TNHH Ô.

Buộc Công ty TNHH Ô phải trả cho ông Dương Tường D số tiền cọc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty TNHH Ô phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Dương Tường D số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006818 ngày 29/4/2025 và số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006819 ngày 29/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đồng Nai).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Trần Ngọc Phương Trang